

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 24-7-2018

V/v tranh chấp: “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI,
TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trà Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tài Định

2. Ông Nguyễn Văn Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Như-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Dương-Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị Thanh N, sinh năm 1986, vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Đội 9, thôn TS, xã TH, thành phố QN, tỉnh QN.

2. Bị đơn: Ông Phạm Công H, sinh năm 1981, vắng mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Thôn VS, xã TH, thành phố QN, tỉnh QN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24-4-2018, bản tự khai ngày 03-5-2018 nguyên đơn bà Trương Thị Thanh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Công H tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, thành phố QN, tỉnh QN vào ngày 25-8-2008. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng không cùng quan điểm, ông H có tính vũ phu, có lần ông H đánh bà phải nhập viện, không có trách nhiệm với gia đình và vợ con, bà N và ông H không sống chung từ năm 2015 đến nay. Trước đây bà nộp đơn yêu cầu ly hôn ông H nhưng vì 02 con còn nhỏ nên bà cố gắng nhẫn nhịn cho qua mọi chuyện và rút đơn về. Nhưng đến nay sức chịu đựng không nổi, tình cảm không thể nào hàn gắn lại được, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Công H.

Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung Phạm Công H, sinh ngày 11-6-2009 hiện đang ở với ông H, còn cháu Phạm Trương K, sinh ngày 22-10-2012 hiện đang ở với bà N. Khi ly hôn bà N yêu cầu giao cháu K cho bà chăm sóc,

nuôi dưỡng, còn cháu H giao cho ông H chăm sóc, nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, vợ chồng không cho ai vay mượn tài sản.

Tại bản tự khai ngày 29-5-2018 bị đơn ông Phạm Công H trình bày: Ông đồng ý ly hôn với bà Trương Thị Thanh N.

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Trương Thị Thanh N.

Về con chung: Ông đồng ý với yêu cầu của bà Trương Thị Thanh N, mỗi người chăm sóc mỗi đứa con, ông giao bà N chăm sóc cháu K, nhưng sau khi ly hôn cháu K sống không hạnh phúc thì ông có quyền đem cháu K về nuôi, vì lý do trong thời gian qua ông và bà N chưa ly hôn mà bà N đã chung sống bất hợp pháp với người khác đã làm ảnh hưởng đến cuộc sống của con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, Điều 97, Điều 196, Điều 203, Điều 208, Điều 211, Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Thanh N. Bà Trương Thị Thanh N được ly hôn với ông Phạm Công H. Về con chung: Giao con tên Phạm Công H, sinh ngày 11/6/2009 cho ông Phạm Công H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, còn cháu Phạm Trương K, sinh ngày 22/10/2012 giao cho bà Trương Thị Thanh N chăm sóc, nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có và không cho ai vay mượn tài sản. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà N phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Trương Thanh N vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Phạm Công H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, nguyên đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị N và ông Phạm Công H tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, thành phố QN, tỉnh QN vào ngày 25-8-2008 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống có 02 con chung. Trong quá trình sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng không cùng quan điểm, ông H có tính vũ phu, có lần ông H đánh bà phải nhập viện, không có trách nhiệm với gia đình và vợ con, bà N và ông H

không sống chung từ năm 2015 đến nay. Từ đó bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Công H. Xét thấy lý do xin ly hôn của bà N chính đáng, tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Thanh N, bà Trương Thị Thanh N được ly hôn với ông Phạm Công H.

[3] Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung Phạm Công H, sinh ngày 11/6/2009 hiện đang ở với ông H, còn cháu Phạm Trương K, sinh ngày 22/10/2012 hiện đang ở với bà N, hiện nay 02 cháu H và K sức khỏe vẫn tốt. Bà N làm nghề buôn bán thu nhập trung bình mỗi tháng 4.000.000 đồng, còn ông H làm thuê cho chủ buôn bán phế liệu cũng có thu nhập ổn định, bà N và ông H đều có điều kiện nuôi con, nguyện vọng của cháu H khi cha mẹ ly hôn cháu H ở với ông H. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà N, giao cháu K cho bà chăm sóc, nuôi dưỡng, còn cháu H giao cho ông H chăm sóc, nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con, là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Bà N, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà N, ông H trình bày không có và không cho ai vay mượn tài sản.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà N phải chịu án phí 300.000 đồng.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Với những nhận định trên là phù hợp với ý kiến tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Thanh N.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Thanh N được ly hôn ông Phạm Công H.

2/ Về con chung: Bà Trương Thị Thanh N và ông Phạm Công H có 02 con chung là Phạm Công H, sinh ngày 11-6-2009 hiện đang ở với ông H, còn cháu Phạm Trương K, sinh ngày 22-10-2012 hiện đang ở với bà N. Giao cháu Phạm Công H cho ông Phạm Công H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Phạm Trương K cho bà Trương Thị Thanh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Bà Trương Thị Thanh N và ông Phạm Công H trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4/ Về nợ chung: Bà Trương Thị Thanh N và ông Phạm Công H trình bày không có và không cho ai vay mượn tài sản.

5/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trương Thị Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng trong vụ án ly hôn. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà N đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0003164 ngày 03 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

6/ Về thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn bà Trương Thị Thanh N, bị đơn ông Phạm Công H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tp Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS tp Quảng Ngãi;
- UBND xã Tịnh Hòa, TP. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Trà Thanh Tùng